

Bản án số: 11/2024/HS- PT
Ngày: 23/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Bản

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuân

2. Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2023/TLPT-HS ngày 01/11/2023 do có kháng cáo của các bị cáo với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

***Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên Phan Thị S, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Quang C và bà Hoàng Thị N; Chồng: Đào Văn C1 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30/7/2015, bị Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2022 đến ngày 14/3/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

2. Họ và tên Đào Văn C1, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn

hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Trung H và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Phan Thị S và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

3. Họ và tên Hoàng Văn Đ, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn K (đã chết) và bà Đồng Thị T1; Vợ: Triệu Thị Quỳnh A và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội: “Đánh bạc”.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

4. Họ và tên Triệu Phúc H1, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Long T2 và bà Triệu Thị K1; Vợ là: Đặng Thị N1 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 16 giờ 30 phút ngày 22/12/2022, Công an huyện V nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung tại nhà công dân Phan Thị S, sinh năm 1978, nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện V có hoạt động đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề thu lợi ích là tiền Ngân hàng N3. Công an huyện V đã thành lập tổ công tác đến nhà S để xác minh tin báo. Hồi 17 giờ 45 phút cùng ngày khi tổ công tác đến nhà đã phát hiện S đang có hành vi bán trái phép số lô, số đề cho ông Đỗ Gia H2, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V tại sân nhà. Sim khai nhận vừa bán số lô, số đề cho H2 4.865.000 đồng và một người khác số tiền 150.000 đồng. Tổ công tác đã lập

Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với hành vi của Phan Thị S và ông H2. Đồ vật, tài liệu phát hiện, tạm giữ gồm:

- Tạm giữ của Phan Thị S: 01 bàn inox có kích thước 47 x 70 x 60cm và 01 ghế nhựa màu đỏ; 01 mảnh giấy (cáp lô, đề) phát hiện S cầm trên tay, niêm phong trong phong bì ký hiệu G; 01 bút bi mực màu xanh phát hiện thấy trên mặt bàn inox, niêm phong trong phong bì ký hiệu B; 143 tờ vé số xổ số Công ty X1 thấy trên mặt bàn inox, niêm phong trong phong bì ký hiệu V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng phát hiện trên mặt bàn inox, niêm phong trong phong bì ký hiệu D1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen phát hiện trên người Phan Thị S, niêm phong trong phong bì ký hiệu D2; 01 quyển sổ ghi chép, nội dung gồm chữ số được viết bằng bút mực xanh, đen, niêm phong trong phong bì ký hiệu S1; Số tiền 4.850.000 đồng phát hiện tại kết sắt của S, niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; 02 mảnh giấy loại giấy A4 ghi bảng lô, đề phát hiện tại mặt bàn inox, niêm phong trong phong bì ký hiệu L

- Tạm giữ của Đỗ Gia H2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung tại túi quần phía trước bên trái quần H2 đang mặc, niêm phong trong phong bì ký hiệu D3; Số tiền 290.000 đồng tại túi quần phía trước bên phải H2 đang mặc, niêm phong trong phong bì ký hiệu T5.

Hồi 19 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm, chỗ ở của Phan Thị S tại xóm T, xã T, huyện V. Kết quả, đã phát hiện tạm giữ những đồ vật, tài liệu sau:

Phát hiện, tạm giữ trong kết sắt kê sát tường phía nam trong phòng ngủ của Phan Thị S: Số tiền 7.390.000 đồng tại góc bên phải, ngăn trên bên trong kết sắt, niêm phong trong phong bì ký hiệu T2; số tiền 610.000 đồng tại góc bên trái, ngăn trên bên trong kết sắt, niêm phong trong phong bì ký hiệu T3; số tiền 76.000 đồng tại ngăn dưới trong kết sắt, niêm phong trong phong bì ký hiệu T4.

Căn cứ vào lời khai của Phan Thị S và kết quả xác minh ban đầu, hồi 11 giờ 00 phút ngày 23/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm, chỗ ở của Trần Đình T3, sinh năm 1988, cư trú tại Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện V. Kết quả, đã phát hiện tạm giữ những đồ vật, tài liệu sau: Số tiền 14.400.000 đồng tại ngăn dưới trong kết sắt trong phòng ngủ của T3, niêm phong trong phong bì ký hiệu S1; 01 quyển sổ màu nâu bên trong có 18 tờ giấy, trong đó có 07 tờ có viết chữ và số màu xanh tại khu vực trên mặt bàn trang điểm trong phòng ngủ của T3, niêm phong trong phong bì ký hiệu S2.

Căn cứ vào lời khai của Phan Thị S, Trần Đình T3 và các tài liệu chứng cứ khác, hồi 15 giờ 40 phút ngày 26/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm, chỗ ở của Nguyễn Bằng G, sinh năm 1990, cư trú tại Tổ dân phố số A, thị trấn Đ, huyện V. Kết quả, không phát hiện tạm giữ những đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Quá trình điều tra xác định: Phan Thị S và chồng là Đào Văn C1 có hợp đồng bán vé số hưởng hoa hồng với Công ty TNHH X1 từ tháng 01/2021 đến hết 31/12/2022. Trong quá trình Sim bán vé số tại nhà, do quen biết với C1 nên khoảng tháng 7/2022 Nguyễn Bằng G đến nhà gặp S nói chuyện đề nghị Sim nếu có nhu cầu mua số lô, số đề thì mua của G, G sẽ bán giá thấp cho S. Cùng thời điểm trên G cũng gặp Hoàng Văn Đ, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V tại thị trấn Đ. Qua nói chuyện G cũng bảo Đ nếu có nhu cầu mua số lô, số đề thì liên hệ với G, G sẽ bán cho Đ với giá rẻ hơn. Đ đồng ý.

G thỏa thuận với C1, S, Đ như sau: G sẽ bán số lô cho S với giá 21.800 đồng/01 điểm lô, bán cho Đ với giá 22.000 đồng/01 điểm lô; số đề, 3 càng, lô xiên nếu S và Đ mua hàng ngày G sẽ trích lại 25% tổng số tiền cho Đ, S, nhưng nếu S và Đ trúng thưởng thì G vẫn thanh toán tiền theo đúng số tiền đã mua. Nếu trúng thưởng G sẽ trả 80.000 đồng/01 điểm lô; gấp 10 lần số tiền đã mua đối với lô xiên 2; gấp 35 lần đối với xiên 3; gấp 70 lần số tiền đã mua đối với số đề; gấp 350 lần số tiền đã bỏ ra mua đối với 3 càng. G sẽ trực tiếp được thua với S, Đ. G cho S, Đ số thuê bao 0378.699.842 để liên lạc và gửi số lô, số đề cho G vào cuối ngày.

Sau khi thỏa thuận với G, S vừa bán xổ số tại nhà, vừa ghi bán số lô, số đề cho người dân xung quanh, C1 trong quá trình đi lái xe taxi cũng nhận ghi các số lô, số đề của khách hoặc người quen, sau đó gửi cho S để S tập hợp chuyển cho G, tiền thu được trong quá trình giao dịch bán số lô, số đề cả hai cùng sử dụng. Đoàn cũng nhận ghi số lô số đề cho một số người dân, khách đi xe taxi sau đó chuyển cho G. Sim, C1 và Đ bán 23.000 đồng/01 điểm lô, số đề, lô xiên, 3 càng thì tùy khách lựa chọn giá tiền muốn mua. Nếu khách trúng thưởng số lô, S, C1 và Đ trả 80.000 đồng/01 điểm lô; nếu trúng số đề, lô xiên, 3 càng Đoàn trả cho người mua giống như G trả cho Đ. Đối với S có một số người trúng số đề Sim thỏa thuận chỉ trả gấp 65 lần, người mua số 3 càng Sim sẽ chuyển thành bán vé cho xổ số kiến thiết, không tính là mua số lô, số đề với S.

G đã bán số lô, số đề cho S, Đ từ khoảng tháng 7/2022 đến khoảng đầu tháng 11/2022 do bận việc nên G đã thuê Trần Đình T3, sinh năm 1988, nơi cư

trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện V thực hiện việc tiếp nhận các số lô, số đề do người khác chuyển đến. G đưa cho T3 chiếc sim điện thoại thuê bao 0378.699.842 nêu trên để 17 giờ hàng ngày T3 lắp sim vào điện thoại và nhận tin nhắn của S, Đoàn sau đó tổng hợp, dựa trên kết quả mở thưởng trong ngày của Xổ số kiến thiết Miền Bắc để đối chiếu thắng thua và thông báo lại cho G, S, Đoàn kết q. G trả công cho T3 3.000.000 đồng/01 tháng. Đến giữa tháng 12/2022 do lo sợ chỉ sử dụng 1 số thuê bao nêu trên sẽ bị cơ quan Công an phát hiện nên ngày 14/12/2022 G đã xin anh Lê Minh A1, sinh năm: 1999, nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện V 01 thẻ sim số 0375.921.861 cho T3 sử dụng nhận số lô, đề do S, Đ gửi. Về cách thức thanh toán các đối tượng thống nhất khi số tiền nợ hoặc thắng giữa G với S, Đoàn từ 5.000.000 đồng trở lên thì sẽ thanh toán tiền cho nhau. G thanh toán trực tiếp với C1 và Đ.

Việc thực hiện hành vi bán số lô, số đề cụ thể như sau:

*** Đối với Phan Thị S và Đào Văn C1:**

- Ngày 22/12/2022:

+ Sim bán cho ông Đỗ Gia H2, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V đến trực tiếp mua số lô, số đề của Sim 02 lần. Lần thứ nhất mua các số lô 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 mỗi số 20 điểm, tương ứng 200 điểm giá tiền 4.600.000 đồng, đã thanh toán số tiền 4.300.000 đồng, nợ 300.000 đồng. Lần thứ hai mua số lô 83 – 05 điểm (giá 01 điểm lô là 23.000 đồng), số đề 03, 06, 39 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền là 265.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề là 4.865.000 đồng, H2 đã thanh toán 4.565.000 đồng, H2 còn nợ 300.000 đồng.

- Sim bán cho ông Phạm Quang T4, sinh năm 1957, nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện V, cụ thể: ông T4 dùng số thuê bao 0327.237.790 nhắn tin đến số thuê bao 0348.818.502 của S mua các số đề 85, 28 mỗi số giá 20.000 đồng; 74, 58, 64, 82 mỗi số giá 5.000 đồng; 58 giá 10.000 đồng; 29, 92 mỗi số giá 10.000 đồng; 15, 51 mỗi số giá 5.000 đồng; số lô 58 - 05 điểm (giá 01 điểm lô là 23.000 đồng). Tổng số tiền mua số lô, số đề là 215.000 đồng, chưa thanh toán tiền.

-Sim bán cho bà Dương Thị H3, sinh năm 1966, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V dùng số thuê bao 0353.510.504 nhắn tin đến số thuê bao 0348.818.502 của Sim mua số đề 18, 81, 08, 80 mỗi số giá 5.000 đồng. Tổng số tiền mua số đề là 20.000 đồng, chưa thanh toán tiền.

- Sim bán cho bà Trần Thị H4, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V dùng tài khoản Facebook liên lạc với tài khoản của S tên Phan S mua số đề 17, 21, 31, 60, 91, 97 mỗi số giá 5.000 đồng; 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77,

88, 99 mỗi số giá 2.000 đồng; 07, 17, 27, 37, 47, 57, 67, 77, 87, 97 mỗi số giá 2.000 đồng; số lô 04, 40, 64, 46 mỗi số 01 điểm. Tổng số tiền mua số lô, số đề là 162.000 đồng, chưa thanh toán tiền.

- Sim bán cho ông Dương Văn N2, sinh năm 1966, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V đến trực tiếp mua số lô, số đề của S. Mua các số đề 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 mỗi số 10.000 đồng, 01 số đề 3 số 999 (3 càng) giá 50.000 đồng. Tổng số tiền mua số đề là 150.000 đồng.

- Sim bán cho ông Lê Đình C2, sinh năm 1962, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V dùng số thuê bao 0358.672.223 liên lạc với thuê bao của S mua các số đề 03, 30, 05, 50 mỗi số giá 20.000 đồng. Tổng số tiền mua số đề là 80.000 đồng, chưa thanh toán.

- Sim bán cho ông Đỗ Quang T5, sinh năm 1959, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V dùng số thuê bao 0385.588.173 liên lạc với thuê bao 0353.167.225 của S mua các số đề 77, 78 mỗi số giá 20.000 đồng. Tổng số tiền mua số đề là 40.000 đồng, chưa thanh toán.

- Sim bán cho bà Hà Thị X, sinh năm 1960, nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V dùng số thuê bao 0362.441.164 ngày 22/12/2022 đã nhắn tin đến số thuê bao của S mua các số đề, lô 3 số. Tổng số tiền là 1.170.000 đồng, trong đó số đề là 590.000 đồng, lô 3 số là 580.000 đồng (khi S chuyển đi mua của G thì chỉ chuyển số đề tổng tiền là 560.000 đồng, thiếu 03 số đề = 30.000 đồng, số tiền 580.000 đồng bà X mua lô 3 số thì giữa bà X và S có thỏa thuận từ trước toàn bộ các lô 3 số bà X mua là vé số của Công ty TNHH X1, S có trách nhiệm gửi vé đi giúp bà X để bà X được thua với Công ty X1, không phải được thua với vợ chồng S. Sim đã tập hợp thành bảng riêng để gửi cho công ty X1).

Tổng số tiền là 6.122.000 đồng.

- Ngày 22/12/2022 C1 đã bán cho khách đi xe taxi (không xác định được những người này là ai) các số đề 48, 84, 58, 85 mỗi số 30.000 đồng; các số lô 48, 84, 58, 85 mỗi số 5 điểm; xiên 2: 84, 85 và 04, 84 mỗi số 20.000 đồng và nhắn cho S để tổng hợp gửi cho T3. Tuy nhiên, S chưa gửi các số này cho T3 để mua của G.

Sau khi bán số lô, số đề cho những người nêu trên S đã tổng hợp các số muốn mua của G, sau đó nhắn tin cho số thuê bao 0375.921.861 để mua số lô, số đề với G. Tổng số tiền mua số lô, đề Sim chuyển trong ngày 22/12/2022 là 5.792.000 đồng.

- Ngày 21/12/2022: C1 bán cho Lương Văn T6, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V các số đề 67, 76, 68 mỗi số 100.000

đồng, số 67 giá 200.000 đồng. Tổng là 500.000 đồng. T6 đã trực tiếp trả tiền cho S tại nhà.

- Ngày 26/11/2022, S bán cho Lý Trung K2, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, thị trấn Đ, huyện V các số lô 18, 81 mỗi số 100 điểm, tổng số tiền giao dịch là 4.600.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng K2 không trúng thưởng.

- Ngày 27/11/2022, S bán cho K2 số lô 98 = 150 điểm, số 88 = 100 điểm, tổng số tiền giao dịch là 5.750.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng K2 không trúng thưởng.

- Ngày 20/10/2022, C1 bán cho Hoàng Văn T7, sinh năm 1985, nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện V các số lô 03, 22, 66, 69, 78, 87, 91 mỗi số 50 điểm, tổng số là 8.050.000 đồng. Sau khi bán cho T7 xong, C1 đã gửi tất cả các số Thời mua cho S tổng hợp. Qua đối chiếu kết quả xổ số mở thưởng ngày 20/10/2022 Thời trúng thưởng số 78, 91 với tổng số tiền trúng thưởng là 8.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền C1, S và T7 giao dịch mua, bán số lô, số đề ngày 20/10/2022 là 16.050.000 đồng.

- Ngày 24/3/2022, C1 bán cho anh Phùng Ngọc H5, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ càng 888 giá 10.000 đồng; số đề 87, 89 giá 10.000 đồng; số lô 88 = 10 điểm. Tổng số tiền là 260.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng H5 không trúng thưởng.

Ngoài ra S cũng bán số lô, số đề cho bà X trong nhiều ngày khác nhau, bà X và S thống nhất hai người chỉ được thua với nhau về các số lô 2 số và số đề, lô xiên, lô 3 số là bà X nhờ Sim gửi để được thua với Công ty X1. Trong các lần mua số lô, số đề với S, số tiền dùng vào mục đích đánh bạc trong từng ngày đều dưới 5.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 05/12/2023 bà X mua 1.285.000 đồng tiền đề, 200.000 đồng xiên 3, bà X trúng thưởng 25.000 đồng tiền đề. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.035.000 đồng. Ngày 06/12/2022 bà X mua 2.515.000 đồng tiền đề, 45 điểm lô = 1.035.000 đồng, 120.000 đồng tiền lô xiên, 300.000 đồng số bà càng với Công ty X1. Bà X không trúng thưởng, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 3.550.000 đồng. Ngày 07/12/2022 mua 4.036.000 đồng tiền đề, 1.660.000 đồng lô 3 số của công ty X1. Bà X không trúng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 4.036.000 đồng; Ngày 08/12/2022 mua 3.126.000 đồng tiền đề, 870.000 đồng lô 3 số của công ty X1, 170.000 đồng tiền lô xiên 3. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.126.000 đồng. Ngày 09/12/2022 mua 3.262.000 đồng tiền đề, 50.000 đồng lô xiên 3, 250.000 đồng lô 3 số của công ty X1. Bà X không

trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.262.000 đồng. Ngày 10/12/2022 mua 670.000 đồng tiền đề, 64 điểm lô = 1.472.000 đồng, 50.000 đồng tiền lô xiên 3, 310.000 đồng lô 3 số của công ty X1. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 2.142.000 đồng. Ngày 11/12/2022 mua 3.269.000 đồng tiền đề, 70.000 đồng tiền lô xiên 3. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.269.000 đồng. Ngày 12/12/2022 mua 3.991.000 đồng tiền đề, 150.000 đồng tiền lô xiên. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.991.000 đồng. Ngày 13/12/2022 mua 996.000 đồng tiền đề, 60.000 đồng tiền lô 3 số, 460.000 đồng tiền lô 2 số = 460.000 đồng, 150.000 đồng tiền lô xiên. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc giữa bà X với S là 1.456.000 đồng; Ngày 14/12/2022 mua 739.000 đồng tiền đề, 680.000 đồng tiền lô 3 số của Công ty X1. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 739.000 đồng. Ngày 17/12/2022 mua 1.714.000 đồng tiền đề, 450.000 đồng tiền lô 3 số của Công ty X1, 200.000 đồng tiền lô xiên 3. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 1.714.000 đồng. Ngày 18/12/2022 mua 1.350.000 đồng tiền đề, 270.000 đồng tiền lô 3 số của Công ty X1. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 1.350.000 đồng. Ngày 19/12/2022 mua 80.000 đồng tiền đề, 10.000 đồng tiền lô 3 số của công ty X1. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 80.000 đồng. Ngày 20/12/2022 mua 40.000 đồng tiền đề. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 40.000 đồng. Ngày 21/12/2022 mua 695.000 đồng tiền đề, 644.000 đồng tiền lô 3 số của Công ty X1. Bà X không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 695.000 đồng.

*** Hoàng Văn Đ bán các số lô, số đề như sau:**

+ Ngày 22/12/2022, Đoàn bán cho Triệu Phúc H1 các số lô, số đề sau: Các số lô 85, 67, 50, 76, 58, 55, 42 mỗi số 50 điểm; các số đề 67, 85 mỗi số giá 150.000 đồng; xiên 3: 58, 55, 42 giá 300.000 đồng; xiên 3: 85:67:76 và 58:55:42 mỗi xiên giá 300.000 đồng. Tổng số tiền bán cho H1 là 7.800.000 đồng. Sau khi H1 nhắn tin mua số lô, số đề, Đ đã nhắn “OK” xác nhận giao dịch.

+ Đoàn bán cho Lưu Mạnh H6, sinh năm 1984, nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã L, huyện V: số đề 52 giá 30.000 đồng; 25 giá 15.000 đồng; số 3 càng: 325, 352 mỗi số giá 10.000 đồng. Tổng số tiền đã bán là 65.000 đồng.

Sau khi bán cho H1 và H6 trong ngày 22/12/2022, Đ đã gửi các số mà H1 mua cho T3 để mua lại các số trên từ G và được T3 xác nhận, tổng số tiền là 7.275.000 đồng. Các số của H6 mua Đ không gửi cho T3.

+ Ngày 06/12/2022, Đ bán cho H1: Ngày 06/12/2022 Đ bán cho H1: Các số lô 88, 79, 23, 27, 98, 20, 24, 93, 39, 84 mỗi số 50 điểm; số lô 97, 32, 72 mỗi số 30 điểm; các số đề: 88, 79, 23, 97, 27 mỗi số 30.000 đồng; các số đề 98, 20, 24, 13, 19, 63, 64, 93, 39, 84 mỗi số 50.000 đồng. Các số lô xiên 3: 88:79:23 = 200.000 đồng, 97:72:32 = 200.000 đồng, 79:97:27 = 200.000 đồng, 98:20:24 = 500.000 đồng, 93:39:84 = 500.000 đồng; số 3 càng: 088 giá 50.000 đồng. Tổng số tiền là 15.870.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả xổ số ngày 06/12/2022 H1 trúng thưởng 2 lần số 93 với số tiền trúng thưởng là 8.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền H1 và Đ giao dịch mua số lô, số đề ngày 06/12/2022 là: **23.870.000 đồng**.

* **Đối với Trần Đình T3:** Trong ngày 22/12/2022, đã nhận các số lô, đề do S gửi với tổng số tiền là 5.792.000 đồng. Nhận số lô đề do Đ gửi với tổng số tiền là 7.275.000 đồng. Sau đó do biết S bị bắt giữ nên T3 đã bẻ gãy sim số 0375.921.861 và ném vào bồn cầu trong nhà xả nước cho trôi mất.

Hành vi nêu trên tại bản án sơ thẩm số 54/2023/HSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tuyên bố: Phan Thị S, Đào Văn C1, Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1 và các bị cáo khác phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Thị S **12** (Mười hai) tháng tù. được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2022 đến ngày 14/3/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đào Văn C1 **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hoàng Văn Đ **15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình. Xử phạt Triệu Phúc H1 **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành bản án

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

- Phạt bổ sung Phan Thị S và Đào Văn C1 mỗi bị cáo 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;
- Phạt bổ sung Hoàng Văn Đ 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;
- Phạt bổ sung Triệu Phúc H1 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

Ngoài ra bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023 các bị cáo Phan Thị S, Đào Văn C1 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 09/10/2023 bị cáo Hoàng Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin giảm hình phạt tiền.

Ngày 11/10/2023 bị cáo Triệu Phúc H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phan Thị S và Triệu Phúc H1 rút nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm án cho các bị cáo. Bị cáo Hoàng Văn Đ rút nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm hình phạt tiền, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo. Bị cáo Đào Văn C1 rút nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phan Thị S, Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Văn C1 xin hưởng án treo: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 355, điểm c,e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai theo hướng áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cho cả 04 bị cáo. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối bị cáo Đào Văn C1, giảm hình phạt cho các bị cáo S, Đ, H1; giữ nguyên phạt tù cho hưởng án treo đối với Đào Văn C1.

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm; Phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Phan Thị S, Đào Văn C1, Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1 cùng các bị cáo khác có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

3.1. Kháng cáo xin hưởng giảm hình phạt của các bị cáo: Phan Thị S; Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo đã xử phạt bị cáo Phan Thị S 12 tháng tù; xử phạt Đào Văn C1 12 tháng tù; xử phạt Hoàng Văn Đ 15 tháng tù; xử phạt Triệu Phúc H1 09 tháng tù về tội đánh bạc là đã căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện là không lớn, các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo xuất trình biên lai nộp 100% tiền phạt bổ sung tiền án phí, một phần tiền truy thu theo như quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm thể hiện tinh thần thái độ chấp hành pháp luật của các bị cáo phù hợp với quy định nên được ghi nhận xem xét áp dụng đối với các bị cáo, do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

3.2 Xét nội dung xin hưởng án treo của bị cáo Đào Văn C1 Hội đồng xét xử xét thấy: Ngay khi cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang tại gia đình bị cáo, tiến hành lấy lời khai bị cáo vào ngày 22/12/2022 bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi vi phạm của mình ngoài ra còn tích cực phối hợp với cơ quan điều tra tự giác khai về hành vi đánh bạc giữa bị cáo với Hoàng Văn T7 từ ngày 20 tháng 10 năm 2022; Căn cứ vào lời khai của Đào Văn C1, mở rộng điều tra qua đấu tranh Hoàng Văn T7 đã khai nhận phù hợp với lời khai của Đào Văn C1 sau đó đến ngày 25/7/2023 Hoàng Văn T7 đã bị khởi tố và xét xử trong cùng vụ án nên cần xem xét cho bị cáo Đào Văn C1 hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đào Văn C1 chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng có vợ là Phan Thị S là bị cáo bị xét xử trong cùng vụ án, bị cáo có hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn đang phụng dưỡng bố mẹ già yếu không nơi nương tựa (được chính quyền địa phương xác nhận).

Với những phân tích đánh giá như trên sau khi xem xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Văn C1 áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị S, Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1 giảm một phần hình phạt cho cả 03 bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp; thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước giúp các bị cáo an tâm rèn luyện, cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Phan Thị S, Hoàng Văn Đ, Triệu Phúc H1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đào Văn C1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

1.1. Xử phạt Phan Thị S **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án, được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2022 đến ngày 14/3/2023.

1.2. Xử phạt Hoàng Văn Đ **07** (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

1.3. Xử phạt Triệu Phúc H1 **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành bản án

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

1.4. Xử phạt Đào Văn C1 **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách **24** (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

+ Ghi nhận bị cáo Phan Thị S đã nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 13.200.000 đồng theo biên lai số 0002887 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ghi nhận bị cáo Đào Văn C1 đã nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 13.200.000 đồng theo biên lai số 0002886 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

+ Ghi nhận bị cáo Triệu Phúc H1 đã nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền truy thu số tiền 19.200.000 đồng theo biên lai số 0002885 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

+ Ghi nhận bị cáo Hoàng Văn Đ đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền truy thu số tiền 38.935.000 đồng theo biên lai số 0002888 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- Các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

DƯƠNG VĂN BẢN

